

PHÂN TÍCH YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH SỬ DỤNG THẺ ATM CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Analyzing decisive factors to Tra Vinh University's students in using ATM card

Nguyễn Thị Búp¹

Tóm tắt

Mục tiêu nghiên cứu của bài viết là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ ATM của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh. Đa số sinh viên Trường Đại học Trà Vinh sử dụng thẻ ATM của Ngân hàng Đông Á do Nhà trường có lồng ghép thẻ sinh viên với thẻ ATM của Ngân hàng Đông Á; và sinh viên ít quan tâm đến chi phí sử dụng thẻ. Bài viết ứng dụng mô hình hồi quy Binary Logistic để xác định các yếu tố ảnh hưởng, đến quyết định sử dụng thẻ ATM của sinh viên là sinh viên năm thứ Ba và thứ Tư, sinh viên Khoa Kinh tế - Luật, thu nhập hàng tháng của sinh viên, sinh viên biết thông tin về chi phí mỗi lần giao dịch qua thẻ và thời gian mỗi lần giao dịch với máy ATM. Trong đó, yếu tố sinh viên năm ba có ảnh hưởng mạnh nhất đến quyết định sử dụng thẻ của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.

Từ khóa: thẻ ATM, giao dịch qua thẻ, sử dụng thẻ ATM, mô hình Binary Logistic, các yếu tố ảnh hưởng.

Abstract

The objective of the study is to analyze the decisive factors to ATM card use of Tra Vinh University's students. Most Tra Vinh University's students have been using a card that functions both as an ATM card in Dong A Bank and student card; and students are less concerned the card using cost. This paper applies the Binary Logistic recurrent model to determinate the effective factors on students' decision in ATM card use. The research showed that the decisive factors to ATM card use of Tra Vinh University's students are third-year student and four-year students, students of the School of Economics-Law, student monthly income, students' knowledge about transaction fee and time with ATM. Of all the factors, the third-year student most strongly influences on ATM card use of Tra Vinh University's students.

Key words: ATM card, card transaction, using ATM card, Binary logistic model, effective factors.

1. Đặt vấn đề

Nền kinh tế Việt Nam đang gia nhập một cách sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán qua thẻ ATM là vấn đề đặt ra cho tất cả các ngân hàng, nhất là trong bối cảnh các ngân hàng, tổ chức tài chính ngày càng cạnh tranh gay gắt. Khi nói tới ngân hàng hiện đại, người ta nghĩ ngay tới một ngân hàng có nền tảng công nghệ thông tin mạnh, sản phẩm dịch vụ đa dạng, có khả năng phục vụ khách hàng mọi lúc mọi nơi. ATM là máy giao dịch tự động, là một trong những kênh phân phối sản phẩm trong các hệ thống ngân hàng phổ biến ngày nay. Thẻ ATM là thiết bị cho phép ngân hàng tự động giao dịch với khách hàng, thực hiện việc nhận dạng khách hàng thông qua thẻ hay các thiết bị tương thích, giúp khách hàng kiểm tra số dư tài khoản, rút tiền, chuyển khoản, thanh toán tiền hàng, dịch vụ,....

Sự ra đời của thẻ thanh toán đã giúp cho người dân trong xã hội thay đổi đáng kể đến phương thức

chi tiêu, giao dịch trong thanh toán của mình phù hợp với thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay. Từ việc chỉ sử dụng tiền mặt trong chi tiêu, nay người dân đã quen dần với cách thức thanh toán không dùng tiền mặt, không chỉ vậy mà còn giúp cho người dân “gần” với ngân hàng hơn.

Việc phát hành thẻ cũng là hình thức huy động vốn hiệu quả, làm tăng nguồn vốn cho ngân hàng trong kinh doanh. Nghiệp vụ kinh doanh thẻ góp phần quảng bá thương hiệu, nâng cao thế cạnh tranh cho ngân hàng. Phát hành thẻ đem lại thu nhập cho ngân hàng như: phí làm thẻ, phí giao dịch, phí chuyển khoản, v.v.

Khách hàng sử dụng thẻ ATM phần lớn là người lao động có việc làm ổn định. Bên cạnh đó, sinh viên là đối tượng cũng có nhu cầu tiếp cận và sử dụng dịch vụ thẻ ATM, trong đó có sinh viên Trường Đại học Trà Vinh. Bởi vì, sinh viên đa phần đều sống xa nhà nên việc sử dụng thẻ ATM như một phương tiện giúp gia đình gửi tiền để chi tiêu hàng tháng, đóng học phí cũng như sử dụng cho nhiều mục đích khác. Tuy nhiên, vì những lý

¹ Thạc sĩ, Bộ môn Kế Toán, Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Trà Vinh

do khác nhau nên vẫn còn số lượng lớn sinh viên chưa am hiểu hết công dụng của thẻ ATM nên chưa sử dụng thẻ ATM. Đây là một phân khúc thị trường có tiềm năng phát triển vì sinh viên sử dụng thẻ ngân hàng nào thì tương lai khi có việc làm họ có khả năng sử dụng thẻ của ngân hàng đó. Do đó, đề tài: “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ ATM của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh” được triển khai nghiên cứu là cơ sở để các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh mở rộng thị trường ATM đối với nhóm khách hàng tiềm năng này.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Số liệu sử dụng và mô hình nghiên cứu

Số liệu sử dụng

Số liệu sử dụng trong nghiên cứu này được thu thập từ một cuộc điều tra bằng bảng câu hỏi được soạn sẵn và chỉnh lý sau khi phỏng vấn thử bằng phương pháp ngẫu nhiên phân tầng theo khoa thuộc Trường Đại học Trà Vinh. Cuộc điều tra được tiến hành vào tháng 4/2014 với đối tượng được phỏng vấn là sinh viên có sử dụng thẻ ATM và không có sử dụng thẻ ATM. Kích cỡ mẫu là 150; trong đó, số sinh viên có sử dụng thẻ ATM là 106, chiếm tỷ trọng 70,7%.

Mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở hệ thống số liệu thu thập được, bài viết sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích đặc điểm của cá nhân trong mẫu khảo sát cũng như thực trạng sử dụng thẻ ATM của sinh viên trường Đại học Trà Vinh. Sau đó, tác giả sử dụng mô hình hồi quy binary logistics để xác định các

yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ ATM của sinh viên.

Mô hình binary logistics có dạng như sau:

$$Y_i = \ln \left[\frac{P_i}{1-P_i} \right] = \beta_0 + \beta_1 X_{i1} + \dots + \beta_n X_{in} + U_i = \beta_0 + \sum_{i=1}^n \beta_i X_i + U_i \quad (1)$$

Trong đó: P_i là xác suất xảy ra hiện tượng được quan tâm (đó là, quyết định sử dụng thẻ ATM trong trường hợp bài viết này), $\beta_i (i = 1, 2, \dots, n)$ là các hệ số tương quan và X_i là các biến độc lập, U_i là sai số.

Từ biểu thức (1) ta có thể xác định mức độ ảnh hưởng của các biến X_i đến xác suất sử dụng thẻ ATM của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh. Để làm điều đó, giả sử các biến khác không đổi ta có thể viết:

$$\Delta \ln \left[\frac{P_i}{1-P_i} \right] = \Delta \sum_{i=1}^n \beta_i X_i = \beta_i \Delta \sum_{i=1}^n X_i = \beta_i \Delta X_i \quad (\text{do } \beta_0 \text{ là hằng số nên } \Delta \beta_0 = 0) \quad (2)$$

Vì $\ln(x/y) = \ln x - \ln y$ và $\Delta \ln x \approx \frac{\Delta x}{x}$ nên

$$\Delta \ln \left[\frac{P_i}{1-P_i} \right] = \Delta \ln P_i - \Delta \ln [1-P_i] \approx \frac{\Delta P_i}{P_i} - \frac{-\Delta P_i}{1-P_i} = \Delta P_i \left[\frac{1}{P_i} + \frac{1}{1-P_i} \right] = \frac{\Delta P_i}{P_i(1-P_i)} \quad (3)$$

Từ (2) và (3), suy ra:

$$\beta_i \Delta X_i = \frac{\Delta P_i}{P_i(1-P_i)} \quad \text{hay} \quad \frac{\Delta P_i}{\Delta X_i} = \beta_i P_i (1 - P_i) \quad (4)$$

Công thức (4) cho phép xác định mức độ ảnh hưởng của các biến X_i đến khả năng sử dụng thẻ ATM của sinh viên. Để làm điều đó, các nhà nghiên cứu (như Pindyck and Rubinfeld 2004; Youn and Gu 2010) sử dụng giá trị ban đầu $P_i = 50\%$ vì nếu sau một hiện tượng ngẫu nhiên nào đó (chẳng hạn như sinh viên sử dụng thẻ ATM) có hai khả năng xảy ra thì xác suất xảy ra của một trong hai khả năng sẽ là 50%.

Bảng 1: Bảng mô tả của các biến trong mô hình Binary Logistics

Biến	Diễn giải	Dấu kỳ vọng
Y	Biến giả, nếu đang sử dụng thẻ ATM là 1, ngược lại là 0	
X1	Biến giả, giới tính nam là 1, ngược lại là 0	+
X2	Biến giả, sinh viên năm Nhất là 1, ngược lại là 0	+/-
X3	Biến giả, sinh viên năm Hai là 1, ngược lại là 0	+/-
X4	Biến giả, sinh viên năm Ba là 1, ngược lại là 0	+
X5	Biến giả, sinh viên năm Tư là 1, ngược lại là 0	+
X6	Biến giả, sinh viên Khoa Kinh tế, Luật là 1, ngược lại là 0	+
X7	Biến giả, xuất thân từ nông thôn là 1, ngược lại là 0	-
X8	Biến giả, cha mẹ là nông dân là 1, ngược lại là 0	-
X9	Thu nhập (triệu đồng/tháng)	+
X10	Biến giả, sinh viên biết số dư trong thẻ có được trả lãi là 1, ngược lại là 0	+
X11	Biến giả, sinh viên biết chi phí sử dụng thẻ hàng năm là 1, ngược lại là 0	-
X12	Biến giả, sinh viên biết chi phí mỗi lần giao dịch thẻ là 1, ngược lại là 0	+
X13	Khoảng cách đến máy ATM gần nhất (m)	-
X14	Thời gian giao dịch được với máy ATM (giờ)	-
X15	Thời gian mỗi giao dịch (phút)	-
X16	Biến giả, tin tưởng các giao dịch luôn chính xác là 1, ngược lại là 0	+
X17	Biến giả, nhận được tư vấn, khuyến khích mở thẻ là 1, ngược lại là 0	+

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Thực trạng sử dụng thẻ của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh

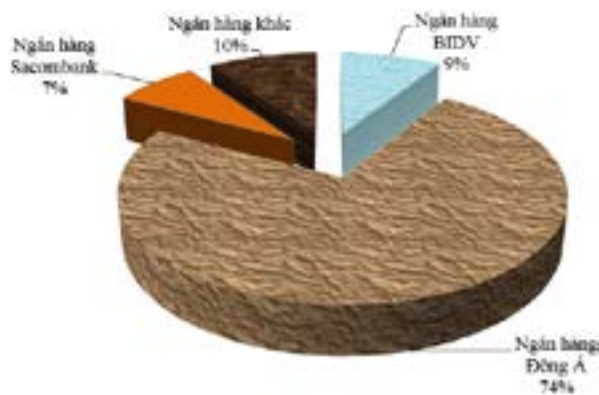
Trong 150 sinh viên được khảo sát, có 34% là nam và 66% là sinh viên Khoa Kinh tế, Luật. Sinh viên được khảo sát về việc sử dụng thẻ học từ năm thứ nhất đến năm Tư, cụ thể, năm Nhất có 38 sinh viên (chiếm tỷ trọng 25,3%), năm Hai có 26 sinh viên (chiếm tỷ trọng 17,3%), sinh viên năm Ba có 46 (chiếm tỷ trọng 30,7%) và sinh viên năm tư có 40 (chiếm tỷ trọng 26,7%). Đa số sinh viên xuất thân từ nông thôn (125 sinh viên, chiếm tỷ trọng 83,3%) và có cha mẹ làm nghề nông (42 sinh viên, chiếm tỷ trọng 72,0%). Chi tiết được trình bày ở Bảng 2 sau đây:

Bảng 2: Đặc điểm cá nhân của mẫu khảo sát

Chi tiêu		Số quan sát	Tỷ trọng (%)
Giới tính	Nam	51	34,0
	Nữ	99	66,0
Học năm	Thứ Nhất	38	25,3
	Thứ Hai	26	17,3
	Thứ Ba	46	30,7
	Thứ Tư	40	26,7
Sinh viên Khoa	Kinh tế, Luật	99	66,0
	Khác	51	34,0
Xuất thân	Nông thôn	125	83,3
	Khác	25	16,7
Nghề nghiệp của cha mẹ	Nông dân	108	72,0
	Khác	42	28,0

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2014

Đa số sinh viên Trường Đại học Trà Vinh sử dụng thẻ ATM của Ngân hàng Đông Á (chiếm tỷ trọng 74%) do Nhà trường kết hợp thẻ sinh viên với thẻ ATM của Ngân hàng Đông Á. Do tính lồng ghép đó, nhiều sinh viên sử dụng thẻ ATM của Ngân hàng Đông Á. Bên cạnh đó, sinh viên cũng



Hình 1. Tình hình sinh viên sử dụng thẻ ATM tại các ngân hàng

sử dụng thẻ ATM của các ngân hàng khác nhưng với tỷ lệ thấp hơn nhiều lần so với sinh viên sử dụng thẻ ATM của Ngân hàng Đông Á. Mục đích sử dụng thẻ của sinh viên chủ yếu là nhận tiền gửi từ gia đình phục vụ cho việc học và nhận học bổng (đối với trường hợp sinh viên sử dụng thẻ ATM của Ngân hàng Đông Á).

Về nhận thức chi phí sử dụng thẻ, sinh viên ít quan tâm đến chi phí sử dụng thẻ. Cụ thể, có 48,0% sinh viên biết số dư trong thẻ có được trả lãi, 34,7% sinh viên biết chi phí sử dụng thẻ hàng năm và 35,3% sinh viên biết chi phí mỗi lần giao dịch.

Bảng 3: Nhận thức về chi phí sử dụng thẻ của sinh viên

Chi tiêu	Số quan sát	Tỷ trọng (%)
Biết số dư trong thẻ có được trả lãi	72	48,0
Biết chi phí sử dụng thẻ hàng năm	52	34,7
Biết chi phí mỗi lần giao dịch	53	35,3

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2014

Theo kết quả khảo sát ở Bảng 4, khoảng cách trung bình từ nơi ở của sinh viên khi học ở Trà Vinh đến máy ATM trung bình là 1.500m. Gần nhất là 100m và xa nhất là 12.000m. Điều này cho thấy mức độ bao phủ của các máy ATM trên địa bàn thành phố Trà Vinh tương đối lớn. Đây là một ưu điểm cho sự tiện lợi khi sử dụng thẻ ATM trên địa bàn này. Thời gian giao dịch được với máy có giá trị trung bình là 23,89 giờ/ngày, độ lệch chuẩn là 0,66. Như vậy, hầu hết sinh viên có thể giao dịch được với máy ATM gần như là 24/24 giờ/ngày. Mỗi lần giao dịch tại máy ATM sinh viên mất trung bình là 6,66 phút kể cả thời gian chờ đến lượt được vào máy, thời gian nhanh nhất là 2 phút và lâu nhất là 15 phút.

Bảng 4: Thông tin về sự tiện lợi khi sử dụng thẻ ATM

Chi tiêu	Số quan sát	Nhỏ nhất	Trung bình	Lớn nhất	Độ lệch chuẩn
Khoảng cách đến máy ATM gần nhất (m)	150	0,1	1,51	12,0	1,47
Thời gian giao dịch được với máy ATM (giờ)	150	20,0	23,89	24,0	0,66
Thời gian mỗi lần giao dịch (phút)	150	2,0	6,66	15,0	3,06

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2014

Khi sử dụng thẻ ATM khoảng 85,3% sinh viên tin tưởng các giao dịch luôn chính xác. Sự tin tưởng này có thể tạo sự an tâm cho người dùng và giúp thu hút người sử dụng. Tỷ trọng sinh viên nhận được khuyến khích và tư vấn mở thẻ từ các ngân hàng cũng tương đương với tỷ trọng sinh viên tin tưởng về sự chính xác. Đây là điều kiện để thu hút sinh viên sử dụng thẻ ATM của ngân hàng.

2.2.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ ATM của sinh viên

Bảng 5 cho biết biến X4 (sinh viên năm thứ 3), biến X6 (sinh viên Khoa Kinh tế, Luật) và biến X9 (thu nhập hàng tháng) có ý nghĩa với độ tin cậy là 99%; biến X5 (sinh viên năm Tư), biến X12 (biết chi phí mỗi lần giao dịch) và biến X15 (thời gian mỗi lần giao dịch) có ý nghĩa với độ tin cậy 95%. Mô hình phù hợp cao với độ tin cậy 99%, giá trị $-2LL = 116,489$, phần trăm độ chính xác 83,9%, hệ số tương quan giữa các biến đều $< 0,6$ nên không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến.

Bảng 5: Kết quả ước lượng mô hình Logistic

Biến số	Hệ số ước lượng	Wald
Sinh viên năm thứ Hai (X3)	-0,942	2,072
Sinh viên năm thứ Ba (X4)	3,329	11,508***
Sinh viên năm thứ Tư (X5)	1,643	5,195**
Sinh viên Khoa Kinh tế, Luật (X6)	2,803	8,728***
Xuất thân của sinh viên là nông thôn (X7)	-1,240	2,255
Thu nhập hàng tháng (X9)	0,001	7,881***
Biết chi phí mỗi lần giao dịch (X12)	1,435	4,171**
Khoảng cách đến máy ATM gần nhất (X13)	-0,214	2,009
Thời gian giao dịch được với máy ATM (X14)	0,061	2,042
Thời gian mỗi lần giao dịch (X15)	0,140	4,637**
Hằng số (C)	-2,311	2,780

$-2LL = 116,489***$
 Phần trăm chính xác: 83,9%
 Hệ số tương quan giữa các biến đều $< 0,6$

Ghi chú: *, **, *** lần lượt có ý nghĩa ở mức α là 10%, 5%, 1%

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả, 2014

Nhìn vào Bảng 5, biến X4 có tác động mạnh nhất đến quyết định sử dụng của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh; Kế đến lần lượt là biến X6, X5, X12, X15 và cuối cùng là biến X9.

Biến X4 và X5 có tác động cùng chiều với quyết định sử dụng thẻ ATM của sinh viên, tức là sinh viên năm Ba, năm Tư có khả năng sử dụng thẻ ATM cao hơn sinh viên năm Nhất, năm Hai. Tác động biên của biến X4 lên khả năng quyết định sử dụng thẻ ATM của sinh viên xác định với xác suất ban đầu là 0,5 thì tác động này bằng $0,5 \times (1-0,5) \times 3,329 = 0,832$, tác động biên của biến X5 là 0,411. Giống như kỳ vọng ban đầu, điều này có thể giải thích là sinh viên năm Ba, năm Tư biết nhiều thông tin về lợi ích của thẻ ATM so với những hạn chế của nó nên các bạn mạnh dạn sử dụng thẻ ATM.

Biến X6 có tác động cùng chiều với quyết định sử dụng thẻ ATM của sinh viên ở mức ý nghĩa $\alpha=1\%$, điều này có nghĩa là sinh viên Khoa Kinh tế, Luật có khả năng sử dụng thẻ ATM cao hơn sinh viên các khoa khác. Cụ thể, sinh viên Khoa Kinh tế, Luật có khả năng sử dụng thẻ cao hơn sinh viên các khoa khác là 70,075%. Kết quả ước lượng này có thể giải thích là sinh viên Khoa Kinh tế, Luật có điều kiện học các học phần có liên quan đến thẻ ATM nên hiểu rõ lợi ích, công dụng cũng như cách thức sử dụng thẻ ATM so với sinh viên các khoa khác, do đó sinh viên Khoa Kinh tế, Luật có khả năng sử dụng thẻ cao hơn.

Biến X9 có tác động cùng chiều với khả năng sử dụng thẻ của sinh viên với mức ý nghĩa $\alpha = 1\%$, nghĩa là sinh viên có thu nhập cao sẽ có khả năng sử dụng thẻ cao hơn. Tuy nhiên hệ số của biến X9

rất nhỏ nên mức độ ảnh hưởng đến khả năng sử dụng thẻ là rất thấp do đa số sinh viên nhận tiền từ gia đình nên chênh lệch về thu nhập giữa các sinh viên là tương đối thấp. Chênh lệch về thu nhập chủ yếu là một số sinh viên có làm thêm vào buổi tối để kiếm thu nhập trang trải học phí và sinh hoạt hàng ngày.

Biến X12 có tác động cùng chiều với khả năng sử dụng thẻ ATM của sinh viên ở mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$, tức là sinh viên biết nhiều thông tin về chi phí giao dịch sẽ có khả năng sử dụng thẻ ATM cao. Cụ thể, sinh viên biết thông tin về chi phí mỗi lần giao dịch có khả năng sử dụng thẻ ATM cao hơn so với sinh viên không biết thông tin là 25,875%. Như kỳ vọng ban đầu đặt ra, những sinh viên có thông tin về chi phí mỗi lần giao dịch thẻ cũng biết thông tin về lợi ích và các hình thức giao dịch qua thẻ ATM nên có khả năng sử dụng thẻ ATM cao hơn.

Ngược với kỳ vọng ban đầu, biến X15 có tác động cùng chiều với khả năng sử dụng thẻ ATM của sinh viên ở mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$, tức là thời gian giao dịch với máy ATM càng lâu thì khả năng sử dụng thẻ càng cao. Điều này có thể giải thích là do có nhiều sinh viên sử dụng thẻ Đông Á nên thời gian giao dịch bằng thẻ ATM Đông Á phải mất thời gian tương đối lâu hơn khi giao dịch bằng thẻ ATM của các ngân hàng khác.

Các biến X3, X7, X13 và X14 không có ý nghĩa thống kê hay nói cách khác là không đủ bằng chứng cho rằng các biến này ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ ATM của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.

3. Kết luận

Bài viết phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh. Ứng dụng mô hình hồi quy Binary Logistic, nhóm nghiên cứu xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh là sinh viên năm thứ Ba và thứ Tư, sinh viên Khoa Kinh tế, Luật, thu nhập hàng tháng của sinh viên, sinh viên biết thông tin về chi phí mỗi lần giao dịch qua thẻ và thời gian mỗi lần giao dịch với máy ATM. Bên cạnh đó, bài viết chưa phát hiện các biến sinh viên năm hai, xuất thân của sinh viên, khoảng cách đến máy ATM gần nhất và biến thời gian giao dịch được với máy ATM ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.

Ở Trà Vinh, số người sử dụng thẻ ATM vẫn còn thấp do người dân có thói quen dùng tiền mặt. Do vậy, ngân hàng thương mại cần làm gì để khai thác nhu cầu sử dụng thẻ ATM của khách hàng tiềm năng? Từ kết quả khảo sát cho thấy, với đối tượng là sinh viên những năm cuối của khoa Kinh tế - Luật có thu nhập hàng tháng sẽ tác động nhiều nhất đến quyết định sử dụng thẻ ATM. Vì vậy, để sinh viên cũng như người dân quan tâm đến việc sử dụng thẻ ATM, ngân hàng thương mại cần: tổ chức các buổi tư vấn nhằm quảng bá sản phẩm và dịch vụ thẻ, giúp sinh viên hiểu rằng sử dụng thẻ ATM là hình thức giữ tiền và gửi tiền an toàn, thẻ ATM thực hiện chức năng thanh toán và vay vốn từ các ngân hàng thương mại, ngân hàng chính sách xã hội; với những tiện ích như thế sẽ thu hút sinh viên sử dụng thẻ ATM một cách hiệu quả nhất.

Tài liệu tham khảo

Hoàng, Trọng và Chu, Nguyễn, Mộng Ngọc. 2007. *Thống kê ứng dụng*. NXB Thống kê: TP. Hồ Chí Minh.

Hoàng, Trọng và Chu, Nguyễn Mộng Ngọc. 2008. *Phân tích nghiên cứu dữ liệu với SPSS*. NXB Hồng Đức: TP. Hồ Chí Minh.

Lê, Thế Giới và Lê, Văn Huy. 2006. “Mô hình nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng đến ý định và quyết định sử dụng thẻ ATM tại Việt Nam”. *Tạp chí Ngân hàng*, số 4, trang 19-20.

Trần, Phạm Tín và Phạm, Lê Thông. 2012. “Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ ATM của sinh viên tại Thành phố Cần Thơ”. *Tạp chí Công nghệ ngân hàng*, số 70 + 71, trang 48 -54.